TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **29**/2022/DS-ST Ngày: 27 - 5 - 2022 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiệp

2. Ông Trần Minh Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 53/8, khu phố L5, phường M, TP. M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 04 đường L, Tổ 5, khu phố L4, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị P trình bày:

Bà P và bà Nguyễn Thị Ngọc B có mối quan hệ cùng phường với nhau. Khi bà B gặp khó khăn, bà B hỏi vay bà P số tiền 24.500.000 đồng thì được bà P đồng ý. Bà B là người viết và ký vào Giấy mượn tiền ngày 30/4/2015. Khi cho bà B vay tiền, bà P và bà B thỏa thuận mỗi tháng vào ngày 30 tây, bà B trả cho bà P số tiền 1.000.000 đồng. Thời hạn bà B bắt đầu trả nợ tính từ ngày 30/5/2015 đến khi trả hết số tiền nợ 24.500.000 đồng, đến tháng cuối thì trả 500.000 đồng. Hai bên thỏa thuận vay tiền không lãi suất, không thế chấp tài sản.

Tính đến nay, bà B chưa trả cho bà P được số tiền nào trong tổng số tiền nợ 24.500.000 đồng nêu trên. Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền nợ trên, không yêu cầu bà B trả lãi.

Nguyên đơn bà Cao Thị P đã giao nộp các giấy tờ, tài liệu sau: *CMND, Sổ hộ khẩu của bà P (bản photo chứng thực); Giấy mượn tiền ngày 30/4/2015 của bà Nguyễn Thị Ngọc B (bản photo); Phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh của bà P gửi cho bà B (bản photo).*

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bản tự khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Cao Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà P, bà B.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của các đương sự, nguyên đơn nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật;

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét Giấy vay tiền ngày 30/4/2015 giữa bà Cao Thị P và bà Nguyễn Thị Ngọc B có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc B (đã đối chiếu bản chính) nên việc vay tiền là hoàn toàn tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Tại khoản 1, 3, 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…". Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B trả lại cho bà P số tiền 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện

nên tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho bà B biết về việc thụ lý vụ án, đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà B không đến, không có ý kiến phản bác lại Giấy mượn tiền ngày 30/4/2015 do bà P giao nộp. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xác định Giấy vay tiền ngày 30/4/2015 là chứng cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị P, thấy rằng:

Ngày 30/4/2015, bà B có vay của bà P số tiền 24.500.000 đồng, hai bên thỏa thuận bà B trả cho bà P mỗi tháng 1.000.000 đồng, không tính tiền lãi cho đến khi trả hết nợ. Như vậy, giao dịch giữa bà P và bà B là hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015), loại hợp đồng có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P cho rằng bà B chưa thanh toán khoản tiền nợ nào cho bà P. Bà B không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của bà P. Vì vậy, căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 30/4/2015 có chữ viết, chữ ký của bà B và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Về tiền lãi chậm trả, bà P không yêu cầu bà B trả nên Tòa không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được Tòa chấp nhận nên bà B phải chịu án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 95, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về tiền nợ: Buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu, năm trăm ngàn đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 30/4/2015.

Về tiền lãi chậm trả: Bà P không yêu cầu bà B trả nên Tòa không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà B nộp số tiền 1.225.000đ (một triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại bà P số tiền 612.500đ (sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số AA/2016/0051368 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình